

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2018/DS-ST
Ngày 06-11-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Tuyết Mai.

Ông Hồ Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Bồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Khái – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2018/TLST - DS ngày 11 tháng 7 năm 2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 443/2018/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã KA, huyện UM, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông **Huỳnh N**, sinh năm 1967 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp KĐB, xã KH, huyện TVT, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: Ngày 22/12/2014 bà cho ông Huỳnh N mượn 4.000.000 đồng, cách 03 ngày sau cho mượn thêm 4.000.000 đồng để chuộc đất, ông N hứa đôn cây rừng cho bà nhưng không thực hiện. Đến ngày 27/01/2017 ông N trả được 2.000.000 đồng, số tiền còn lại ông N hứa hẹn trả nhiều lần nhưng không thực hiện. Nay bà khởi kiện đòi lại 6.000.000 đồng và không có yêu cầu nào khác.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/10/2018 ông Huỳnh N trình bày:* Ông thừa nhận có mượn của bà L 8.000.000 đồng, sau đó có trả 03 lần tổng bằng 2.500.000 đồng, còn nợ lại 5.500.000 đồng. Tuy nhiên, từ năm 2014 đến năm 2016 bà L có thuê ông giữ rừng một ngày bằng 100.000 đồng đến nay bà L chưa trả tiền công cho ông. Nay ông đồng ý trả nợ cho bà L 5.500.000 đồng nhưng bà L phải trả lại cho ông tiền công giữ rừng bằng 12.000.000 đồng và ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông N phải trả lại cho bà L 6.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông N có yêu cầu xin vắng mặt không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N là đúng quy định.

[2] Bà L khởi kiện đòi lại 6.000.000 đồng tiền cho mượn vào ngày 22/12/2014. Quá trình giải quyết vụ án ông N xác định có mượn bà L 8.000.000 đồng, trả được 2.500.000 đồng, còn nợ lại 5.500.000 đồng. Việc ông N thừa nhận có mượn 8.000.000 đồng của bà L là thuộc tình tiết, sự kiện bà L không phải chứng minh. Do đó, có căn cứ cho rằng ông N có mượn của bà L 8.000.000 đồng vào ngày 22/12/2014; ông N cho rằng có trả được 2.500.000 đồng nhưng không được bà L thừa nhận, ông N không đưa ra được chứng cứ chứng minh có trả cho bà L 2.500.000 đồng, nên cần chấp nhận lời trình bày của bà L, ông N trả được 2.000.000 đồng, số tiền còn lại 6.000.000 đồng ông N phải có trách nhiệm trả lại cho bà L là đúng quy định pháp luật.

[3] Ông N cho rằng bà L còn nợ ông 12.000.000 đồng tiền thuê giữ rừng nên yêu cầu trả lại. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án ông N không làm đơn khởi kiện phản tố để yêu cầu trả lại nên Hội đồng xét xử không có căn cứ đặt ra xem xét, giải quyết. Nếu giữa ông N và bà L không thỏa thuận được với nhau, có phát sinh tranh chấp thì có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền bằng vụ kiện dân sự khác.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ như nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền bằng 300.000 đồng (6.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 207; khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện đòi nợ của bà L. Buộc ông Huỳnh N phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho bà Phạm Thị L 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm ông Huỳnh N phải chịu 300.000 đồng. Bà Phạm Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà L 300.000 đồng tiền dự nộp tại biên lai số 0008419 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CCTHADS huyện Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

**T/M:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên